

Bản án số: 08/2018/HNGĐ-PT.

Ngày: 10/5/2018

Về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Hương

Các thẩm phán: Bà Ngô Thị Minh Trang

Ông Võ Minh Triều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: ông Chiêm Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2018/TLPT-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hôn nhân và nuôi con.

Do bản án sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 01 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 87/2018/QĐPT-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thị Kim Y, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Anh Danh T, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn anh Danh T.

(chị Y, anh T có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn chị Thị Kim Y trình bày:

Chị và anh Danh T kết hôn vào ngày 27/3/2008, hôn nhân tự nguyện có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C theo giấy chứng nhận kết hôn số 31 ngày 27/3/2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 9/2017 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính cách không phù hợp, anh T có tính bạo lực trong gia đình và xúc phạm đến danh dự của chị, ngoài ra còn có

tính cờ bạc, vợ chồng tự dàn xếp nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy đời sống không có hạnh phúc nên chị xin ly hôn với anh T.

Về con chung: có hai người con chung là cháu Danh Thị Kim A, sinh ngày 07/4/2010 và Danh Hoàng Quốc A, sinh ngày 11/01/2013, hiện nay hai cháu đang sống chung với gia đình. Khi ly hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai cháu và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung không có nên không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh Danh T trình bày:

Anh thống nhất lời trình bày và yêu cầu khởi kiện của chị Y về thời gian kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung. Về mâu thuẫn là do anh nghi ngờ chị Y không chung thủy nên có hành vi đánh chị Y.

Nay về hôn nhân anh đồng ý ly hôn với chị Y, về con chung anh yêu cầu được nuôi dưỡng hai người con và không yêu cầu chị Y cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận, về nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 01/2018/HNGĐ-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

- Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Thị Kim Y và anh Danh T.

- Về con chung: Giao cháu Danh Thị Kim A, sinh ngày 07/4/2010 và cháu Danh Hoàng Quốc A, sinh ngày 11/10/2013 cho chị Thị Kim Y được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Danh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Danh Thị Kim A, sinh ngày 07/4/2010 mỗi tháng 650.000 đồng, và cháu Danh Hoàng Quốc A, sinh ngày 11/01/2013 mỗi tháng 650.000 đồng cho đến khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh T được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở. Khi cần thiết anh T chị Y có quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: miễn xét.

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của đương sự theo quy định pháp luật.

Đến ngày 24/01/2018 anh Danh T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm: anh không đồng ý quyết định của bản án sơ thẩm buộc anh giao hết 02 con cho vợ anh nuôi. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét giải quyết cho anh được quyền nuôi hết 02 người con chung và không yêu cầu cấp dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn anh Danh T thay đổi yêu cầu kháng cáo, yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Danh Hoàng Quốc A khi ly hôn với chị Y. Lý do yêu cầu được nuôi con sau ly hôn là điều kiện chị Y đi làm thời gian chăm sóc đưa rước con không đảm bảo. Do cháu Kim A muốn được sống với mẹ nên yêu cầu được nuôi cháu Quốc A, anh có đủ điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng cháu Quốc A đến trưởng thành.

Chị Y yêu cầu được nuôi hai con và yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con như Bản án sơ thẩm đã tuyên, do chị có đủ điều kiện nuôi con. Anh T trong thời gian chung sống không có trách nhiệm với con. Hiện nay chị và con còn ở chung nhà bên anh T đến khi ly hôn có hiệu lực thì chị đưa các con về sống chung với cha mẹ ruột chị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong giai đoạn phúc thẩm đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Anh T, chị Y xác định hiện tại hai cháu Kim A và Quốc A đang sống chung với anh, chị. Cháu Kim A đã hơn 07 tuổi và tại Biên bản ghi lời khai ngày 22/12/2017 thì nguyện vọng của cháu khi cha mẹ ly hôn là muốn được sống với mẹ. Do đó Tòa án cấp sơ thẩm xử giao cháu Kim A cho chị Y chăm sóc, nuôi dưỡng là có căn cứ. Đối với cháu Quốc A mới 5 tuổi cần xem xét về quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của cháu sau này, hiện tại cháu còn rất nhỏ nên cần được sự chăm sóc của mẹ. Mặt khác, về điều kiện nuôi con thì chị Y có thu nhập ổn định hàng tháng từ tiền lương, đủ điều kiện nuôi con và đảm bảo sự phát triển bình thường của các con. Anh T có quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định. Nếu sau ly hôn có căn cứ xác định trong quá trình chăm sóc, nuôi dưỡng các con, chị Y không đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con thì có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định.

Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, bác kháng cáo của bị đơn anh Danh T, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án huyện C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Thị Kim Y và anh Danh T thuận tình ly hôn, về tài sản chung hai bên tự thỏa thuận, nợ chung không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh T chị Y không kháng cáo nên đã có hiệu lực pháp luật.

[2] Chị Y và anh T thống nhất trong thời kỳ hôn nhân anh chị có 02 người con chung là Danh Thị Kim A, sinh ngày 07/4/2010 giới tính nữ và Danh Hoàng Quốc A, sinh ngày 11/01/2013 giới tính nam. Hiện tại hai cháu đang sống chung nhà với anh chị và cha mẹ ruột anh T.

Anh T yêu cầu được nuôi hai cháu sau ly hôn, cháu Kim A có ý kiến muốn được sống chung với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Đối với cháu Quốc A hiện 5 tuổi đang được đi học mẫu giáo ổn định, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Chị Y xác định khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật thì chị cùng các con sẽ chuyển về nhà cha mẹ ruột của chị sinh sống sẽ đảm bảo ổn định, sự phát triển học hành cho các con. Anh T yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu Danh Hoàng Quốc A do thương con và đủ điều kiện nuôi dạy, chăm sóc đảm bảo cho sự phát triển cho cháu Quốc A và yêu cầu nuôi cháu Quốc A còn do theo nguyện vọng của mẹ anh.

Xét hoàn cảnh điều kiện kinh tế và điều kiện sinh sống của anh T và chị Y sau ly hôn, xem xét nguyện vọng của cháu Kim A, để tạo điều kiện ổn định cho sự phát triển tâm lý, môi trường sống, quyền lợi về mọi mặt của hai cháu. Căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn; nghĩa vụ của cha mẹ không trực tiếp nuôi con sau ly hôn; nghĩa vụ của cha mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn. Sau thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất theo quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang, không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về quyền nuôi con chung, giao cháu Kim A và Quốc A cho chị Y được quyền nuôi dưỡng. Nếu sau này có căn cứ xác định chị Y không đủ điều kiện nuôi con thì anh T có quyền yêu cầu xin thay đổi nuôi con theo quy định pháp luật.

- Về án phí:

Án phí sơ thẩm: anh T chị Y thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm nên mỗi người phải nộp 50% án phí, chị Y tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị Y được nhận lại 150.000 đồng theo biên lai thu tiền của cơ quan thi hành án.

Án phí phúc thẩm: anh T phải chịu án phí 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền của cơ quan thi hành án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 131 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn anh Danh T.
- Giữ nguyên bản án hôn nhân gia đình số 01/2018/HNGĐ-ST ngày 16/01/2018 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Thị Kim Y và anh Danh T.

- Về con chung: Giao cháu Danh Thị Kim A, sinh ngày 07/4/2010 và cháu Danh Hoàng Quốc A, sinh ngày 11/01/2013 cho chị Thị Kim Y được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Buộc anh Danh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là cháu Danh Thị Kim A, sinh ngày 07/4/2010 và cháu Danh Hoàng Quốc A, sinh ngày 11/01/2013 mỗi tháng 650.000 đồng/01 cháu cho đến

khi hai cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con được tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh T được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung, không ai có quyền cản trở.

- Về tài chung và nợ chung: miễn xét.

- Về án phí:

Án phí sơ thẩm: anh T chị Y mỗi người phải nộp 50% án phí, chị Y tự nguyện nộp 150.000 đồng, khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp, chị Y được nhận lại 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng theo biên lai thu tiền số 0000168 ngày 30/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Án phí phúc thẩm: Anh T phải chịu án phí 300.000 đồng do kháng cáo không được chấp nhận, khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000222 ngày 26/01/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Hương

